

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **232/2021/HS-ST**
Ngày 17/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Châu Thị Kim Thuận và ông Nguyễn Hữu Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 197/2021/HSST ngày 08/7/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2021/QĐXXST-HS ngày 22/7/2021 và Thông báo chuyển lịch xét xử, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Văn T** (tên gọi khác: Tý bún); giới tính: Nam; sinh ngày 18/9/1987, tại tỉnh: Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số X đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Số Y đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12;

Con ông Võ Văn Th, sinh năm: 1966 và con bà Hồ Thị D, sinh năm: 1971, hiện trú tại: Số X đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có vợ là Đoàn Thị Thúy Nh, sinh năm: 1990 và có 01 con, sinh năm: 2007, hiện trú tại: Số Y đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số: 76/2006/HSST ngày 08/5/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt: 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích.

- Tại Bản án số: 194/2010/HSST ngày 17/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Bản án số: 344/2010/HSPT ngày 26/10/2010 của

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 03 tháng 08 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích.

- Ngày 12/6/2011, bị Công an phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi: Đánh nhau, hình thức: Phạt tiền, mức phạt: 750.000 đồng.

- Ngày 26/7/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố về hành vi Cố ý gây thương tích. Ngày 06/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can và ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/01/2021, ngày 07/02/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

2. Họ và tên: **Nguyễn Dương S** (tên gọi khác: L); giới tính: Nam; sinh ngày 08/7/1987, tại tỉnh: Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Buôn M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12;

Con ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1951 và con bà Trương Thị Bích Th, sinh năm: 1953; Bị cáo là con thứ bảy trong gia đình có 07 anh em. Hiện trú tại: Buôn M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không;

Tiền án: 01 (tại Bản án số: 09/2018/HSST ngày 07/02/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đến ngày 18/01/2020 chấp hành xong hình phạt tù).

Nhân thân: Ngày 28/4/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 16/8/2017 chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/01/2021, ngày 07/02/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

3. Họ và tên: **Trần Gia Kh** (tên gọi khác: T bên nước); giới tính: Nam; sinh ngày 25/01/1988, tại tỉnh: Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Buôn M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 10/12;

Con ông Y, sinh năm: 1953 và con bà Trần Thị Kim H, sinh năm: 1956; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị N, sinh năm: 1993 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020; Hiện trú tại: Buôn M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Phi L, sinh năm 1983 (Trú tại: Số Z, đường H, phường T, thành phố, tỉnh Đắk Lắk) - *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

2. Anh Nguyễn Như Qu, sinh năm 1996 (Trú tại: Thôn V, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) - *(vắng mặt)*.

3. Anh Phạm Tuấn A, sinh năm: 1989 (Trú tại: Số Y, đường Tr, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(vắng mặt)*.

4. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988 (Trú tại: Số K đường Th, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

5. Anh Đặng Nam Thành Đ, sinh năm 1991 (Trú tại: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(vắng mặt)*.

6. Anh Trần Đình D, sinh năm 1988 (Trú tại: Thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(vắng mặt)*.

7. Anh Phan Bkrông Văn A, sinh năm 1994 (Trú tại: Buôn E, xã E, huyện A, tỉnh Đắk Lắk) - *(vắng mặt)*.

8. Anh YMex K, sinh năm 1997 (Trú tại: Buôn A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(vắng mặt)*.

9. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976 (Trú tại: Tổ dân phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(vắng mặt)*.

10. Anh Nguyễn Nam Đại Th, sinh năm 1988 (Trú tại: Số M đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(có mặt)*.

11. Anh Roãn Văn L, sinh năm 1979 (Trú tại: Buôn D, xã K, huyện A, tỉnh Đắk Lắk) - *(vắng mặt)*.

12. Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1993 (Trú tại: Thôn 3, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) - *(vắng mặt)*.

13. Anh Nguyễn Duy Tr, sinh năm 1995 (Trú tại: Số A đường X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk) - *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6/2020, Trần Gia Kh mở tiệm cầm đồ với bảng hiệu “Ti bên nước” tại địa chỉ số N đường L, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột và cùng Võ Văn T hoạt động cho vay hình thức tiền đứng và cầm cố tài sản với lãi suất cao. T và Kh thuê Nguyễn Dương S và đối tượng Đ (chưa xác định lai lịch) phụ giúp việc quản lý tại tiệm cầm đồ. Nếu người nào có nhu cầu cầm cố tài sản thì đem tài sản đến tại

tiệm cầm đồ, Đ sẽ là người trực tiếp giao dịch với khách, T hoặc Kh là người quyết định số tiền lãi suất cầm cố, dao động từ 2.000 đồng đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Sau khi thỏa thuận việc cầm cố xong, Đ trực tiếp đưa khách đến tại Văn phòng công chứng để công chứng giấy tờ mua bán tài sản nhằm hợp thức hóa việc cầm cố tài sản và tránh sự phát hiện của Cơ quan Công an. Đến tháng 8/2020, T và Kh bắt đầu cho người khác vay tiền với lãi suất cao dưới hình thức cho vay tiền Đứng, nghĩa là cho vay một số tiền nhất định lãi suất đóng theo kỳ. Nếu người nào có nhu cầu vay vốn thì liên hệ với T hoặc Kh số tiền từ 10.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng/người/lần, người vay trả tiền lãi theo kỳ là 10 ngày, mỗi kỳ trả từ 03% đến 10% tổng số tiền vay. Như vậy, lãi suất trong 10 ngày là 03% đến 10%, lãi suất trong một năm là 109,5% đến 365%, gấp từ 5,475 lần đến 18 lần so với lãi suất vay theo quy định pháp luật. Khi người vay có tiền trả tiền gốc thì khoản vay kết thúc và không phải đóng lãi nữa. Khi có người vay tiền thì T hoặc Kh sẽ trực tiếp đưa tiền cho người vay, tùy người vay mà T và Kh có thể trừ đi số tiền lãi của kỳ đầu. Sau đó, T, Kh giao lại việc thu tiền của người vay cho Đ, S quản lý hoặc có lúc T hoặc Kh trực tiếp đi thu tiền. Để quản lý hoạt động cho vay, Kh mua tài khoản quản lý người vay tại trang Web: “Mecash.vn”, tên đăng nhập là: “Dodo123”, để nhập dữ liệu quản lý việc cho vay tiền.

Đến tháng 9/2020, Kh mở quán Bida với bảng hiệu “T bến nước” tại địa chỉ số L đường T, phường L, thành phố B và chuyển Đ qua làm quản lý tại đây. Đ giao lại phần mềm quản lý người vay cho S, S thay đổi mật khẩu thành “Ly6789” để hàng ngày truy cập vào theo dõi việc đóng tiền lãi của người vay, Đ làm được khoảng 02 tuần thì nghỉ. Tiền thu lãi hàng ngày của người vay S tổng hợp lại và chuyển cho T hoặc Kh. Hàng tháng, T và Kh trả công cho S 8.000.000 đồng. Bằng cách thức như vậy, T và Kh cung cấp tiền và cùng đồng bọn cho nhiều người vay tiền trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

*** Người vay thứ nhất: Anh Phạm Tuấn A** vay tiền như sau:

- Lần vay 01: Tháng 9/2020 vay số tiền 20.000.000 đồng lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, đóng lãi theo kỳ (01 kỳ 10 ngày) số tiền lãi là 600.000 đồng tương ứng lãi suất 109,5%/01 năm, đóng được tổng cộng là 03 kỳ với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328,767 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.471.233 đồng.

- Lần vay thứ 02: Tháng 10/2020, vay số tiền 10.000.000 đồng hình thức đóng lãi tương tự lần vay thứ 01, tiền lãi một kỳ là 300.000 đồng tương ứng lãi suất 109,5%/01 năm, đóng được 01 kỳ là 300.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 54.795 đồng, tiền thu lợi bất chính là 245.205 đồng.

- Lần vay thứ 03: Tháng 11/2020, vay số tiền 20.000.000 đồng hình thức đóng lãi tương tự 02 lần vay trước, tiền lãi một kỳ là 300.000 đồng tương ứng lãi suất 109,5%/01 năm, đóng được 08 kỳ là 4.800.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 876.712 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.923.288 đồng.

Tổng số tiền gốc trong 03 lần anh Tuấn A đã vay nhóm của Kh là **50.000.000 đồng**, số tiền thu lợi bất chính là 5.639.726 đồng, tổng số tiền gốc

anh Tuấn A còn nợ chưa trả là 50.000.000 đồng. Khi vay tiền, anh Tuấn A không viết giấy vay tiền và không để lại tài sản gì.

*** Người vay thứ hai: Chị Nguyễn Thị Th** vay tiền như sau:

- Lần vay thứ 01: Ngày 28/9/2020, vay số tiền 10.000.000 đồng lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, đóng lãi theo kỳ (01 kỳ 10 ngày) số tiền lãi là 1.000.000 đồng tương ứng lãi suất 365%/01 năm, đóng được tổng cộng là 03 kỳ với tổng số tiền là 3.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.383 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.835.616 đồng.

- Lần vay thứ 02: Ngày 01/12/2020, vay số tiền 10.000.000 đồng lãi suất tương tự lần vay thứ 01, tương ứng là 365%/01 năm, đóng được tổng cộng là 04 kỳ với tổng số tiền là 4.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 219.178 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.780.822 đồng.

Tổng số tiền gốc trong 02 lần chị Th đã vay của Kh là **20.000.000 đồng**, số tiền thu lợi bất chính là 6.616.438 đồng, chị Th đã trả đủ số tiền gốc của 02 lần vay là 20.000.000 đồng. Khi vay tiền, chị Th không để lại tài sản gì.

*** Người vay thứ ba: Anh Nguyễn Phi L** vay tiền như sau:

- Lần vay thứ 01: Tháng 10/2020, vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, 10 ngày đóng lãi một lần, số tiền lãi là 600.000 đồng tương ứng lãi suất 109,5%/01 năm, đóng được tổng cộng là 03 kỳ với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.471.233 đồng. Anh L đã trả đủ tiền gốc.

- Lần vay thứ 02: Khoảng 15 ngày sau, vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất tương tự lần vay thứ 01, 10 ngày đóng lãi một lần số tiền lãi là 1.500.000 đồng, đóng được tổng cộng 03 kỳ số tiền 4.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.678.082 đồng. Anh L trả được 20.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 30.000.000 đồng và tiếp tục đóng lãi, mỗi kỳ 900.000.000 đồng, đóng được 05 kỳ với số tiền 4.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.678.082 đồng. Anh L còn nợ lại tiền gốc chưa trả là 30.000.000 đồng.

- Lần vay thứ 03: Tháng 12/2020, vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất tương tự 02 lần vay trước, 10 ngày đóng lãi một lần số tiền lãi là 2.100.000 đồng, đóng được tổng cộng 03 kỳ số tiền là 6.300.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.150.685 đồng, tiền thu lợi bất chính là 5.149.315 đồng. Anh L còn nợ tiền gốc chưa trả là 70.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc anh L vay của nhóm Kh là **140.000.000 đồng**, còn nợ lại số tiền gốc chưa trả là 100.000.000 đồng. Khi vay tiền, anh Long không viết giấy vay tiền và không để lại tài sản gì.

*** Người vay thứ tư: Anh Nguyễn Như Qu** vay tiền như sau:

Ngày 01/12/2020, anh Nguyễn Như Qu mượn anh Trần Đình D (sinh năm 1988), chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng, gắn biển số 47F1-068.68

để cầm cố thì anh D đồng ý. Sau đó, anh D điều khiển xe mô tô trên đi cùng anh Qu đến tiệm cầm đồ T bên nước cầm cố cho Trần Gia Kh và Võ Văn T với số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất là 8.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, 10 ngày trả lãi 01 lần số tiền là 12.000.000 đồng. Khi cho vay, Kh và T yêu cầu anh Qu viết giấy vay tiền. Sau đó Kh cất giữ giấy vay này. Ngày 01/12/2021, khi anh D mang số tiền 12.000.000 đồng đến tiệm cầm đồ đóng tiền lãi của kỳ thứ 6 cho Nguyễn Dương S thì bị Cơ quan Công an phát hiện và đã tạm giữ số tiền trên.

Như vậy, anh D và anh Qu đã đóng được tổng cộng số tiền lãi là 72.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 4.931.507 đồng, tiền thu lợi bất chính là 67.068.493 đồng. Anh Qu còn nợ lại số tiền gốc chưa trả là **150.000.000 đồng**.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ Luật dân sự thì Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

$$\text{Lãi suất tính lãi} = \frac{\text{Số tiền lãi ngày} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{(\% \text{ năm}) \quad \text{Số dư thực tế}}$$

Như vậy, tổng số tiền nhóm các bị cáo cho 04 cá nhân vay với 09 lượt vay, tổng số tiền là **390.000.000 đồng**, đã thu được 90.000.000 đồng, số tiền gốc những người vay còn nợ chưa trả là 300.000.000 đồng; Tổng số tiền lãi đã thu là 103.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 9.698.630 đồng, đã thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay nói trên (vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ Luật dân sự quy định) với số tiền: 103.000.000 đồng - 9.698.630 đồng = **93.301.370 đồng**; Trong đó Kh, S, T cho vay tổng số tiền gốc 370.000.000 đồng; đã thu lợi bất chính số tiền 86.684.932 đồng; Riêng Kh cho chị Th vay 20.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.616.438 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 234/CT-VKS-HS ngày 08/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Dương S và Trần Gia Kh, về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nói trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Dương S và Trần Gia Kh phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Dương S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Gia Kh từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; Xử phạt bổ sung đối với các bị cáo Võ Văn T, Trần Gia Kh và Nguyễn Dương S, mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- **Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả: cho Võ Văn T và Trần Gia Kh: Giấy vay tiền người vay Phan Bkrông Văn A, Chứng minh nhân dân mang tên Buôn Krông Duy Nh, Thẻ Đảng viên tên Phan Bkrông Văn A, Chứng minh nhân dân mang tên Y Mex K, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 101325, Chứng minh quân đội số 15A003002193, Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021328, 02 hợp đồng mua bán xe số 12436 ngày 13/11/2020 và 03 hợp đồng mua bán xe số 12875, ngày 24/11/2020 đều của Văn phòng công chứng Đỗ Xuân Bình và giấy vay tiền người vay Nguyễn Văn Đ viết ngày 29/10/2020, 02 sổ tay màu đen, bìa da, có dòng chữ CK3, màu vàng, 01 sổ tay màu đen, bìa da, có dòng chữ Tender CK3, màu vàng, 01 sổ tay màu đen, bìa da, có dòng chữ CK5 màu vàng, 03 cuốn sổ màu đen, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tiệm cầm đồ T bến nước và 01 kết sắt, là các tài sản, tài liệu, giấy tờ tùy thân nêu trên đều không liên quan đến hành vi phạm tội. Trao trả cho anh Đặng Nam Thành Đ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng.

Buộc Võ Văn T và Trần Gia Kh trả lại số tiền 86.684.932 đồng đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên, cụ thể: Trả cho anh Phạm Tuấn A số tiền 5.639.726 đồng; Trả cho anh Nguyễn Như Qu số tiền 67.068.493 đồng và trả cho anh Nguyễn Phi L số tiền 5.149.315 đồng.

Buộc Trần Gia Kh trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền đã thu lợi bất chính là 6.616.438 đồng.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền 300.000.000 đồng, nợ gốc đã vay chưa trả cho Võ Văn T và Trần Gia Kh, để nộp sung công quỹ Nhà nước, cụ thể: Anh Phạm Tuấn A số tiền 50.000.000 đồng;

Anh Nguyễn Như Qu số tiền 150.000.000 đồng; Anh Nguyễn Phi L số tiền 100.000.000 đồng.

Truy thu từ Võ Văn T và Trần Gia Kh: Số tiền 70.000.000 đồng (tiền gốc người vay đã trả). Số tiền 9.315.069 đồng tiền lãi theo quy định (Lãi suất 20%) nộp sung công quỹ Nhà nước.

Truy thu của Trần Gia Kh số tiền 20.000.000 đồng (tiền gốc chị Th đã trả cho Kh).

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu đen, số Imei 358798090346344, của Nguyễn Dương S và điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng, số Imei 353096101859677, của Võ Văn T, sử dụng liên lạc trong quá trình cho vay và thu tiền lãi.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 12.000.000 đồng, là tiền do phạm tội mà có.

Tịch thu tiêu hủy biển số 47F1- 068.68, là biển số giả.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Từ tháng 9/2020 đến tháng 01/2021 tại địa bàn thành phố B, nhóm Võ Văn T, Nguyễn Dương S và Trần Gia Kh đã cho 04 cá nhân vay với 09 lượt vay, tổng số tiền là **390.000.000 đồng**, đã thu được 90.000.000 đồng, số tiền gốc những người vay còn nợ chưa trả là 300.000.000 đồng; Tổng số tiền lãi đã thu là 103.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 9.698.630 đồng, đã thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay trên với số tiền: **93.301.370 đồng**; mức lãi suất cho vay là 109.5% đến 365%/năm, gấp từ 5,475 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; Trong đó Kh, S, T cho vay tổng số tiền gốc 370.000.000 đồng; đã thu lợi bất chính số tiền 86.684.932 đồng; Riêng Kh cho chị Th vay thêm 20.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.616.438 đồng.

Xét thấy lời khai của các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Dương S và Trần Gia Kh tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người

liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 234/CT-VKS-HS ngày 08/7/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã thực hiện hành vi cho vay với mức lãi suất 109.5% đến 365%/năm, gấp từ 5,475 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính 93.301.370 đồng; Do đó các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Dương S và Trần Gia Kh đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng mà còn mang tính chất bóc lột, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4] Xét trong vụ án, các bị cáo phạm tội đồng phạm với tính chất giản đơn; Các bị cáo tham gia nhưng vai trò, mức độ nguy hiểm, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự khác nhau nên cần phân tích, đánh giá riêng để áp dụng mức hình phạt phù hợp cho từng bị cáo.

Đối với bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Dương S hiện hành vi tích cực và đều đã bị xét xử, chấp hành án về hành vi phạm tội khác nhưng không lấy đó là bài học trong việc chấp hành pháp luật. Riêng bị cáo Trần Gia Kh phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số; Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo và áp dụng thêm điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ

luật hình sự cho bị cáo Kh để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; Đồng thời thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Dương S có tiền án chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Do đó trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo T, S cao hơn bị cáo Kh.

[5] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, HĐXX thấy cần thiết xử phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo, mỗi bị cáo một số tiền thích hợp để nộp vào công quỹ Nhà nước,

[6] Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật hình sự: Xét thấy, các bị cáo Võ Văn T, Trần Gia Kh và Nguyễn Dương S đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu đen, số Imei 358798090346344, thu giữ từ Nguyễn Dương S và điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng, số Imei 353096101859677, thu giữ từ Võ Văn T. Quá trình điều tra xác định S và T đều sử dụng liên lạc trong quá trình cho vay và thu tiền lãi nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 12.000.000 đồng, thu giữ từ Nguyễn Dương S là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với biển số 47F1- 068.68, quá trình điều tra xác định là biển số giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với Giấy vay tiền người vay Phan Bkrông Văn A, Chứng minh nhân dân mang tên Buôn Krông Duy Nh, Thẻ Đảng viên tên Phan Bkrông Văn A, Chứng minh nhân dân mang tên Y Mex K, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 101325, Chứng minh quân đội số 15A003002193, Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021328, 02 hợp đồng mua bán xe số 12436 ngày 13/11/2020 và 03 hợp đồng mua bán xe số 12875, ngày 24/11/2020 đều của Văn phòng công chứng Đỗ Xuân Bình và giấy vay tiền người vay Nguyễn Văn Đ viết ngày 29/10/2020, 02 sổ tay màu đen, bìa da, có dòng chữ CK3, màu vàng, 01 sổ tay màu đen, bìa da, có dòng chữ Tender CK3, màu vàng, 01 sổ tay màu đen, bìa da, có dòng chữ CK5 màu vàng, 03 cuốn sổ màu đen, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tiệm cầm đồ Ti bên nước và 01 kết sắt. Quá trình điều tra xác định các tài sản, tài liệu, giấy tờ tùy thân nêu trên đều không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Võ Văn T và Trần Gia Kh, là phù hợp.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng biển số 47F1- 068.68 (có biển số thật là 47B1- 520.52). Quá trình điều tra xác định: Chị Đoàn Thị Th, sinh năm 1996, đứng tên chủ sở hữu. Năm 2020, chị Th bán lại chiếc xe

trên cho anh Đặng Nam Thành Đ. Ngày 01/12/2020, anh Trần Đình D mượn anh Đ chiếc xe trên để cho bạn là anh Nguyễn Như Qu mang đến tiệm cầm đồ T bên nước cầm cố thì anh Đ đồng ý. Sau khi mượn được xe, anh D tháo biển số thật của xe và lắp biển số giả 47F1- 068.68 vào với mục đích không cho người thân của anh Đ biết việc anh Đ cầm cố xe (biển số xe D được một người bạn tên Ph chưa rõ lai lịch cho trước đó). Do đó, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Đặng Nam Thành Đ, nhận quản lý, sử dụng, là phù hợp.

- Đối với số tiền 86.684.932 đồng, là số tiền các bị cáo Võ Văn T và Trần Gia Kh thu lợi bất chính của 03 người vay; Riêng đối với số tiền 6.616.438 đồng, là số tiền bị cáo Trần Gia Kh thu lợi bất chính của người vay (chị Nguyễn Thị Th), nên cần buộc các bị cáo phải trả lại cho những người vay tiền, cụ thể:

Bị cáo Võ Văn T và Trần Gia Kh, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Phạm Tuấn A số tiền: $5.639.726 \text{ đồng} / 2 = 2.819.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn);

Bị cáo Võ Văn T và Trần Gia Kh, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Như Qu số tiền: $67.068.493 \text{ đ} / 2 = 33.534.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn);

Bị cáo Võ Văn T và Trần Gia Kh, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Phi L số tiền $5.149.315 \text{ đ} / 2 = 2.574.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn);

Bị cáo Trần Gia Kh phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 6.616.000 đồng (đã làm tròn).

- Đối với số tiền tiền gốc 390.000.000 đồng các bị cáo Võ Văn T và Trần Gia Kh đã cho 04 người vay, là phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, trong đó:

Số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng của 03 người vay hiện nay chưa trả cho các bị cáo. Do vậy, cần truy thu của 03 người vay, gồm: Anh Phạm Tuấn A phải nộp lại số tiền 50.000.000đ; Anh Nguyễn Như Qu phải nộp lại số tiền 150.000.000đ; Anh Nguyễn Phi L phải nộp lại số tiền 100.000.000đ, để sung vào công quỹ Nhà nước;

Số tiền gốc 70.000.000 đồng người vay đã trả cho các bị cáo nên cần buộc các bị cáo Võ Văn T và Trần Gia Kh phải nộp lại để sung vào công quỹ Nhà nước, cụ thể Võ Văn T và Trần Gia Kh, mỗi bị cáo phải giao nộp 35.000.000 đồng; Riêng số tiền gốc 20.000.000 đồng chị Nguyễn Thị Th đã trả cho bị cáo Trần Gia Kh nên cần buộc bị cáo Kh phải nộp lại để sung vào công quỹ Nhà nước; Tổng cộng bị cáo Trần Gia Kh phải nộp lại $35.000.000 \text{ đ} + 20.000.000 \text{ đ} = 55.000.000 \text{ đồng}$;

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc của 04 người vay, tổng cộng là: 9.315.069 đồng. Xét thấy, số tiền này tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ hoạt động tội phạm nên cần truy thu khoản tiền này để sung vào công quỹ Nhà nước, cụ thể truy thu của các bị cáo Võ Văn T và Trần

Gia Kh, mỗi bị cáo phải giao nộp lại số tiền $9.315.069đ/2 = 4.657.000$ đồng (đã làm tròn).

[8] Đối với các hành vi và đối tượng khác liên quan trong vụ án:

Trong quá trình điều tra ngoài những người vay nêu trên, các bị cáo còn cho nhiều người khác vay tiền, cụ thể: Cho anh Phan Bkrông Văn A, sinh năm 1994, vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (khi vay tiền, anh Văn A để lại 01 thẻ Đảng viên tên Phan Bkrông Văn A, 01 chứng minh nhân dân mang tên Buôn Krông Duy Nh số 240846255 và viết giấy vay tiền). Cho anh YMex K, sinh năm 1997, vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (khi vay tiền, anh YMex để lại 01 chứng minh nhân dân mang tên YMex K, số 241677143, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 101325, biển số xe 47B2 - 49355 và làm hợp đồng công chứng mua bán xe số 12875 ngày 24/11/2020, tại Văn phòng công chứng Đỗ Xuân Bình). Cho anh Roãn Văn L, sinh năm 1979, vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (khi vay tiền, anh L để lại 01 chứng minh quân đội số 15A003002193 mang tên Roãn Văn L, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021328, biển số xe 47L1 - 28622, làm hợp đồng công chứng mua bán xe số 12436 ngày 13/11/2020, tại Văn phòng công chứng Đỗ Xuân Bình). Cho anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976, vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (Khi vay anh Đ viết 01 giấy vay tiền). Quá trình điều tra xác định với số tiền lãi cho vay không vượt quá 05 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Nam Đại Th, sinh năm 1988, là người được Trần Gia Kh nhờ công chứng giúp 03 hợp đồng mua bán, do anh Th không biết việc Võ Văn T và Trần Gia Kh cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với việc Võ Văn T, Trần Gia Kh và Nguyễn Dương S khai nhận còn cho một số cá nhân vay tiền đứng tại địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột nhưng không xác định được thông tin, địa chỉ người vay do đó Cơ quan điều tra chưa triệu tập làm việc được nên không đủ căn cứ kết luận việc cho vay tiền và số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo đối với những khoản vay này để xử lý về hành vi cho vay lãi nặng. Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ xử lý, là phù hợp.

Đối với việc anh Nguyễn Duy Tr, sinh năm 1995, khai vay của Võ Văn T số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Vay của Trần Gia Kh số tiền 80.000.000 đồng, với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; Và anh Phạm Văn Th, sinh năm 1993, khai vay tiền của Kh số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tuy nhiên, Võ Văn T không thừa nhận cho anh Tr vay tiền, còn Kh thừa nhận có cho anh Tr và anh Th vay nhưng với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày nhưng không nhớ thu được bao nhiêu tiền lãi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố

Buôn Ma Thuột đã tiến hành đối chất nhưng chưa đủ căn cứ kết luận việc cho vay tiền và số tiền thu lợi bất chính của T và Kh, đối với anh Tr và Th nên tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với người thanh niên tên Đ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) có hành vi giúp sức cho Võ Văn T và Trần Gia Kh cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[9] Về án phí:

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;
- Bị cáo Võ Văn T và Trần Gia Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả lại, cụ thể:
 - Đối với bị cáo Võ Văn T: Số tiền phải trả lại $(2.819.000đ + 33.534.000đ + 2.574.000đ) \times 5\% = 1.946.000$ đồng (đã làm tròn);
 - Đối với bị cáo Trần Gia Kh: Số tiền phải trả lại $(2.819.000đ + 33.534.000đ + 2.574.000đ + 6.616.000đ) \times 5\% = 2.277.000$ đồng (đã làm tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 260, Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

[1] **Tuyên bố:** Các bị cáo **Võ Văn T** (T bún), **Trần Gia Kh** (T bên nước) và **Nguyễn Dương S** (L) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Về hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Võ Văn T: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng** cải tạo không giam giữ và được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ); Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành là 02 năm 02 tháng, 03 ngày, tính từ ngày UBND phường Tự An, TP. Buôn Ma Thuột nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Dương S: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng** cải tạo không giam giữ và được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ); Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành là 02 năm 02 tháng, 03 ngày, tính từ ngày UBND phường Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Gia Kh: 02 (hai) năm** cải tạo không giam giữ; Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Võ Văn T cho UBND phường Tự An, TP. Buôn Ma Thuột và giao các bị cáo Nguyễn Dương S, Trần Gia Kh cho UBND phường Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Dương S và Trần Gia Kh phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

+ Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Võ Văn T, Trần Gia Kh và Nguyễn Dương S

[3] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự

+ Phạt bổ sung bị cáo Võ Văn T số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) nộp vào công quỹ Nhà nước.

+ Phạt bổ sung bị cáo Trần Gia Kh số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) nộp vào công quỹ Nhà nước.

+ Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Dương S số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) nộp vào công quỹ Nhà nước.

[4] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu đen, số Imei 358798090346344, thu giữ từ Nguyễn Dương S và điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng, số Imei 353096101859677, thu giữ từ Võ Văn T.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền 12.000.000 đồng, thu giữ từ Nguyễn Dương S.

- Tịch thu tiêu hủy biển số 47F1- 068.68, là biển số giả.

(Các vật chứng, tài sản có đặc điểm như trong biên bản giao nhận ngày 09/8/2021 giữa Công an TP. Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột).

- Truy thu sung vào công quỹ Nhà nước của bị cáo Võ Văn T số tiền 35.000.000 đồng + 4.657.000 đồng = 39.657.000 đồng;

- Truy thu sung vào công quỹ Nhà nước của bị cáo Trần Gia Kh số tiền 55.000.000 đồng + 4.657.000 đồng = 59.657.000 đồng.

- Truy thu sung vào công quỹ Nhà nước của anh Phạm Tuấn A số tiền 50.000.000 đồng;

- Truy thu sung vào công quỹ Nhà nước của anh Nguyễn Như Qu số tiền 150.000.000 đồng;

- Truy thu sung vào công quỹ Nhà nước của anh Nguyễn Phi L số tiền 100.000.000 đồng

- Buộc bị cáo Võ Văn T và Trần Gia Kh, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Phạm Tuấn A số tiền 2.819.000 đồng;

- Buộc bị cáo Võ Văn T và Trần Gia Kh, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Như Qu số tiền 33.534.000 đồng;

- Buộc bị cáo Võ Văn T và Trần Gia Kh, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Phi L số tiền 2.574.000 đồng;

- Buộc bị cáo Trần Gia Kh phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 6.616.000 đồng.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Võ Văn T và Trần Gia Kh: Giấy vay tiền người vay Phan Bkrông Văn A, Chứng minh nhân dân mang tên Buôn Krông Duy Nh, Thẻ Đảng viên tên Phan Bkrông Văn A, Chứng minh nhân dân mang tên Y Mex K, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 101325, Chứng minh quân đội số 15A003002193, Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021328, 02 hợp đồng mua bán xe số 12436 ngày 13/11/2020 và 03 hợp đồng mua bán xe số 12875, ngày 24/11/2020 đều của Văn phòng công chứng Đỗ Xuân Bình và giấy vay tiền người vay Nguyễn Văn Đ viết ngày 29/10/2020, 02 sổ tay màu đen, bìa da, có dòng chữ CK3, màu vàng, 01 sổ tay màu đen, bìa da, có dòng chữ Tender CK3, màu vàng, 01 sổ tay màu đen, bìa da, có dòng chữ CK5 màu vàng, 03 cuốn sổ màu đen, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tiệm cầm đồ Ti bến nước và 01 kết sắt.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Đặng Nam Thành Đ, nhận quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng (có biển số thật là 47B1- 520.52).

[5] Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Võ Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.946.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Gia Kh phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.277.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- UBND P.Tự An , P.Ea Tam, TP.BMT;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)

VŨ VĂN ĐỨC